TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST. Ngày: 22/8/2024 V/v "*Ly hôn giữa ông H với bà B"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy

2. Ông Lê Anh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Hình Vĩ H**, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Số A, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Bà Lâm Thị B**, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Số A, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Ông H và bà B có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2024, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 18/6/2024, nguyên đơn ông Hình Vĩ H trình bày:

Ông và bà B kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường A (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/01/1994 do tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cãi nhau. Dù ông bà đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm giữa ông và bà B không còn nên ông xin ly hôn với bà B.

Về con chung: ông và bà B có 01 con chung tên Hình Đinh Phương L sinh ngày 28/01/1995. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc ông không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với bà B nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 06/8/2024, bị đơn bà Lâm Thị B trình bày:

Hiện do bận công việc nên bà không thể sắp xếp trực tiếp đến tham gia giải quyết việc ly hôn ở Tòa án. Đồng thời bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và không có ý kiến gì khác. Vì vậy, bà đề nghị xin được vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc, xét xử của Tòa án các cấp.

Về hôn nhân: bà đồng ý ly hôn ông Hình Vĩ H

Về con chung: ông bà có một con chung tên Hình Đinh Phương L sinh ngày 28/01/1995. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: bà và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: bà và ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Hình Vĩ H khởi kiện bị đơn bà Lâm Thị B; quan hệ tranh chấp giữa ông Hình Vĩ H và bà Lâm Thị B là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, bà B đang cư trú tại phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Hình Vĩ H, bị đơn bà Lâm Thị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn ông Hình Vĩ H và bị đơn bà Lâm Thị B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông H và bà B tự nguyện kết hôn vào năm 1994 có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường A (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/1994 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông H, quá trình chung sống vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cãi nhau. Dù ông bà đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm giữa ông và bà B

không còn nên ông xin ly hôn với bà B. Bà B thống nhất ý kiến và đồng ý ly hôn với ông H. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông H và bà B.

[2.2] Về con chung: ông H và bà B có 01 con chung tên Hình Đinh Phương L sinh ngày 28/01/1995. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông H và bà B tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: ông H và bà B cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông H phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hình Vĩ H và bà Lâm Thị B.

2. Về con chung: con chung tên Hình Đinh Phương L sinh ngày 28/01/1995 - đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông H và bà B tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: ông H và bà B cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0002655 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND phường A.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương